TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2022
"*V/v tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thanh Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2.Bị đơn: Chị B, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau.
Nơi ở hiện nay: Số B, Khóm Y, Phường X, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

(anh A có đơn xin xét xử vắng mặt; chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh A trình bày: Anh A và chị B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2018, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù được hai bên gia đình hoà giải hàn gắn nhưng anh và chị B đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Do đó,

anh A nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị B không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị B dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của chị B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh A được ly hôn vớichị B. Về con chung, tài sản chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặc ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh Gin và chị B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay anh A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị B, đây thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*, nơi ở hiện nay củachị B hiện đang tại số 95, Khóm 2, Phường 1, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị B đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, anh A và chị B sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không co con chung nên thường xuyên cãi nhau. Do đó, từ tháng 8 năm 2021 anh A và chị B đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay anh A xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh A cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn chị B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải, làm việc nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của chị B. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng anh A cương quyết xin ly hôn, giữa anh A và chị B cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc anh A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0004046, ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy